

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày 04-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU – TỈNH SƠN LA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Luân và bà Lò Thị Giang.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đôn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2023/TLST-HS ngày 08/11/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST- HS ngày 21 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Quàng Văn Đ**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1978, tại **huyện Y, tỉnh Sơn La**; nơi cư trú: **Bản N, xã V, huyện Y, tỉnh Sơn La**; nghề nghiệp: Bác sỹ; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: là Đảng Viên **Đ4**, Bí thư chi bộ **Trạm Y tế xã T**, đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 83 ngày 10/11/2023 của Ủy ban Kiểm tra huyện ủy, **huyện Y**; con ông **Quàng Văn H** và bà **Hà Thị S**; vợ: **Nguyễn Thị M**; con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Bị cáo **Trần Hải N**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1983, tại **huyện Y, tỉnh Sơn La**; nơi cư trú: **Bản C, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La**; nghề nghiệp: Điều dưỡng; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: là Đảng Viên **Đ4**, Phó bí thư chi bộ **Trạm Y tế xã T**, đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 84 ngày 10/11/2023 của Ủy ban Kiểm tra huyện ủy, **huyện Y**; con ông **Trần Văn T** (đã chết) và bà **Hoàng Thị C** (đã chết); vợ: **Nguyễn Thanh T1** (đã ly hôn); con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Trung tâm y tế huyện Y, đại diện theo ủy quyền số 03/UQ-TTYT ngày 03/01/2024 ông Lê Văn T2 - Phó Giám đốc. Địa chỉ: Trung tâm Y tế, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trạm y tế xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La. Đại diện là ông Hà Văn H1, Trạm phó phụ trách; địa chỉ: Bản V, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

2. Chị Vì Thị Quỳnh H2; sinh năm 1982; địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

3. Chị Vì Thị V; sinh năm 1982; địa chỉ: Bản S, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

4. Chị Lừ Thị T3; sinh năm 1982; địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

5. Chị Doãn Thị P; sinh năm 1982; địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

6. Chị Vì Thị H3; sinh năm 1982; địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

7. Chị Lương Thị H4; sinh năm 1983; địa chỉ: Bản V, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

8. Chị Lương Thị T4; sinh năm 1989; địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

9. Chị Lừ Thị X; sinh năm 1985; địa chỉ: Bản N, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

10. Chị Lừ Thị D; sinh năm 1981; địa chỉ: Bản S, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

11. Anh Mùa A S1 (Thào A S2); sinh năm 1990; địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

12. Anh Vì Văn H5; sinh năm 1986; địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; vắng mặt

13. Ông Hà Văn T5; sinh năm 1977; địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

14. Bà Hoàng Thị K; sinh năm 1976; địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

15. Chị Hoàng Thị H6; sinh năm 1983; địa chỉ: Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

16. Ông Thào A P1; sinh năm 1972; địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La; có mặt.

17. Ông **Thào A T6**; sinh năm 1969; địa chỉ: **Bản B, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; vắng mặt

18. Ông **Hoàng Văn V1**; sinh năm 1969; địa chỉ: **Bản L, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; vắng mặt.

19. Ông **Hoàng Văn L**; sinh năm 1970; địa chỉ: **Bản N, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; vắng mặt.

20. Chị **Vì Thị L1**; sinh năm 1984; địa chỉ: **Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; có mặt.

20. Chị **Vì Thị Q**; sinh năm 1983; địa chỉ: **Bản H, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; có mặt.

22. Bà **Nguyễn Thị H7**; sinh năm 1964; địa chỉ: **Bản Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; Vắng mặt.

23. Anh **Hà Văn C1**; sinh năm 1997; địa chỉ: **Bản N, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; có mặt.

24. Anh **Lê Tiến Đ1**; sinh năm 1988; địa chỉ: **Bản Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; có mặt.

25. Chị **Lò Thị V2**; sinh năm 1986; địa chỉ: **Bản N, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; có mặt.

26. Anh **Hoàng Văn V3**; sinh năm 1984; địa chỉ: **Bản N, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; có mặt.

27. Chị **Vì Thị Y**; sinh năm 1986; địa chỉ: **Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; có mặt.

28. Chị **Lò Lệ T7**; sinh năm 1987; địa chỉ: **Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; có mặt.

29. Anh **Lường Văn N1**; sinh năm 1988; địa chỉ: **Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các năm 2021, 2022 Trạm y tế **xã T, huyện Y** đã tiến hành các đợt tiêm chủng vắc xin phòng Covid- 19, theo kế hoạch tiêm chủng thì các y sĩ, bác sĩ của **Bệnh viện đa khoa huyện Y, Trung tâm y tế huyện Y, Trạm y tế xã T, huyện Y** thực hiện công tác khám sàng lọc, trực tiếp tiêm vắc xin, theo dõi sau tiêm. Còn các nhân viên y tế Trạm y tế xã, nhân viên y tế bản, cán bộ **Ủy ban nhân dân xã T**, giáo viên các trường học được điều động tham gia phục vụ công tác tiêm chủng như: Tiếp đón, hướng dẫn, nhập thông tin số liệu, hỗ trợ công việc cho bác sĩ.

Đến tháng 5 năm 2022, **Trạm y tế xã T** được thông báo theo quy định của **Bộ Y1** về bồi dưỡng cho cán bộ y tế trực tiếp tiêm vắc xin phòng **C2- 19** trong chương trình tiêm chủng miễn phí tại các cơ sở y tế công lập với mức 7.500 đồng/liều tiêm, đối tượng bồi dưỡng là cả kíp tiêm, gồm: công chức, viên chức, cán bộ, nhân viên y tế tham gia tiêm, phục vụ công tác tiêm, nhưng tối đa không quá 150.000 đồng/người/ngày và được bộ phận Kế toán tài vụ của **Trung tâm y tế huyện Y** thông báo về việc lập hồ sơ, chứng từ kế toán quyết toán nguồn kinh phí Nhà nước bồi dưỡng công tham gia tiêm chủng vắc xin phòng Covid- 19 của đối tượng là cán bộ Trạm y tế, nhân viên y tế bản. Bị cáo **Quảng Văn Đ** là Trưởng **Trạm y tế xã T, huyện Y** giao cho bị cáo **Trần Hải N** là nhân viên Trạm lập hồ sơ, chứng từ kế toán.

Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023, số tiền công tiêm của nhân viên y tế bản theo thủ tục quyết toán được thanh toán chuyển vào tài khoản ngân hàng của bị cáo **Đ** (Do các nhân viên y tế bản và **Trạm y tế xã T** không có tài khoản riêng nên chuyển vào tài khoản của đại diện Trạm y tế xã)

Đến ngày 28/11/2022 bị cáo **Đ** nhận được số tiền công tiêm chủng cho nhân viên y tế bản của **xã T** lần đầu là 12.000.000 đồng, bị cáo **Đ** biết vẫn còn thanh toán tiền công tiêm chủng 03 lần nữa nên không chi trả luôn cho nhân viên y tế bản mà đợi số tiền chuyển về đủ thì mới thanh toán xem có bao nhiêu người tham gia hỗ trợ công tác tiêm để bồi dưỡng cho họ. Đến ngày 29/11/2022 **Đ** nhận được số tiền 28.800.000 đồng; Ngày 17/01/2023 nhận được số tiền 407.000 đồng và ngày 18/01/2023 nhận được số tiền 9.735.000 đồng. Tổng cộng bị cáo **Đ** nhận 4 lần chuyển khoản với tổng số tiền là 50.942.000 đồng để chi trả cho y tá bản.

Quá trình thực hiện bị cáo **Đ** đã chỉ đạo bị cáo **N** ký giả chữ ký của nhân viên y tế bản trong bảng thanh toán tiền công tiêm vắc xin phòng **C2- 19** trong hồ sơ quyết toán để nhân viên y tế bản không biết số tiền chế độ được hưởng là bao nhiêu với mục đích sau khi tiền công tham gia tiêm của Nhà nước cấp cho y tế bản cấp về sẽ cân đối, sử dụng chia, bồi dưỡng cho những người khác có tham gia phục vụ công tác tiêm chủng nhưng không thuộc diện được chi trả (Cán bộ **Ủy ban nhân dân xã T**, cán bộ Trung tâm y tế huyện, giáo viên, cán bộ **Bệnh viện đa khoa huyện Y** và những người khác có tham gia phục vụ tiêm chủng vắc xin phòng **C- 19**). Sau khi bị cáo **Đ** chỉ đạo bị cáo **N** đã đồng ý và thực hiện ký giả chữ ký nhận tiền của 18 nhân viên y tế bản **xã T, huyện Y** tại bảng thanh toán tiền công tiêm vắc xin phòng Covid- 19 của các năm 2021, 2022.

Đến ngày 15/3/2023, **Quảng Văn Đ** chỉ đạo **Trần Hải N** tổng hợp lập danh sách những người tham gia tiêm chủng để phát tiền thanh toán cho mỗi người là 450.000 đồng. Sau đó, **Trần Hải N** đã tổng hợp lập lên danh sách tạm thời có 34 người tham gia phục vụ tiêm chủng vắc xin phòng Covid- 19 trong đó có tên của 20 nhân viên y tế bản **xã T** (Trong đó có 16 nhân viên y tế bản thuộc diện được hưởng chế độ của Nhà nước và 04 nhân viên y tế bản không trong diện được hưởng chế độ của Nhà nước), 07 cán bộ **Ủy ban nhân dân xã T**, 07 cán bộ **Trung**

tâm y tế huyện Y, mức chi cho mỗi người tiền công tham gia tiêm là 450.000 đồng với tổng số tiền là 15.300.000 đồng. Ngày 21/3/2023, Quảng Văn Đ chuyển khoản cho Trần Hải N số tiền 17.000.000 đồng (trong đó 15.300.000 đồng cho Trần Hải N để chi trả và cho Trần Hải N vay 1.700.000 đồng sửa chữa xe ô tô).

Ngày 22/3/2023, tại Trạm y tế xã T, Trần Hải N đã chi trả cho 09/18 y tế bản (có tên được hưởng chế độ của Nhà nước) với tổng số tiền 4.050.000 đồng, chi trả cho 10 người không đúng chế độ cho Nhà nước (Trong đó 07 cán bộ UBND xã T và 03 nhân viên y tế bản không trong diện được hưởng chế độ của Nhà nước) với tổng số tiền 4.350.000 đồng. Còn lại 15 người chưa chi trả được với tổng số tiền 6.900.000 đồng do Trần Hải N đang giữ (Trong đó có 07 cán bộ Trung tâm y tế huyện Y, 07 nhân viên y tế bản được hưởng chế độ của Nhà nước và 01 nhân viên y tế bản không trong diện được hưởng chế độ của Nhà nước). Quảng Văn Đ và Trần Hải N ký giả chữ ký nhận tiền của 07 cán bộ Trung tâm y tế huyện Y ở phần ký nhận trong danh sách chi trả tiền hỗ trợ mục đích để cho các nhân viên y tế bản đến nhận tiền nhìn thấy ai cũng đã nhận được số tiền công như nhau để họ không có ý kiến gì, còn 8 nhân viên y tế bản còn lại không nhận tiền do chi trả không đúng. Còn số tiền 35.642.000 đồng Quảng Văn Đ đang quản lý tại tài khoản ngân hàng với mục đích sẽ giao Trần Hải N tiếp tục tổng hợp, lập danh sách những người không thuộc diện được hưởng chế độ có tham gia phục vụ công tác tiêm (ngoài 34 người đã có tên trong danh sách bồi dưỡng trước đó) để tiếp tục chi trả sai đối tượng. Còn 9/18 nhân viên y tế bản thuộc diện được hưởng chế độ của Nhà nước chi trả thì không được nhận tiền chi trả nữa và chỉ được nhận 450.000 đồng/người. Do chi trả tiền công không đúng, ngày 18/4/2023 Vì Thị Quỳnh H2 (nhân viên y tế bản, xã T) có đơn đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Y giải quyết. Việc chi trả, thanh toán sai tiền công tiêm vắc xin phòng C2- 19, Quảng Văn Đ không hợp, xin ý kiến của 18 nhân viên y tế bản, xã T.

Ngày 18/4/2023, bị cáo N tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 tờ danh sách thanh toán tiền công tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 của Trạm y tế xã T và chị Nguyễn Thị Phương T8 Kế toán Trung tâm y tế huyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 tập tài liệu chứng từ quyết toán, thanh toán kinh phí tiền công tiêm chủng của Trạm y tế xã T.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh khám xét nơi làm việc của Trần Hải N tại Trạm y tế xã T thu giữ 01 cây máy tính, nhãn hiệu DELL, màu đen đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cây máy tính cho ông Hà Văn H1 Đại diện Trạm y tế xã T.

Quá trình điều tra ngày 21/4/2023, Cơ quan điều tra, ra Lệnh phong tỏa tài khoản số tiền 35.642.000 đồng trong tài khoản của Quảng Văn Đ tại Ngân hàng TMCP Đ5 (B);

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023, bị cáo Trần Hải N giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 6.900.000 đồng, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Thị T9, Vì Thị Y, Hà Văn C1, Lò Thị V2, Hoàng Văn V3, Lê Tiến Đ1 và Lương Văn N1 (Cán bộ Ủy ban nhân dân xã T) giao nộp số tiền là 3.000.000 đồng;

những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị H7**, **Vì Thị Q** và **Vì Thị L1** (Nhân viên y tế bản **xã T**) giao nộp số tiền là 1.350.000 đồng; ngày 27/12/2023 bị cáo **Quàng Văn Đ** tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền 46.892.000 đồng ;

Ngày 26/4/2023, Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định: Số tiền 6.900.000 đồng thu giữ do **Trần Hải N** giao nộp; số tiền 3.000.000 đồng thu giữ do 07 cán bộ **Ủy ban nhân dân xã T** giao nộp và số tiền 1.350.000 đồng thu giữ do 03 nhân viên y tế bản **xã T** giao nộp. Tổng cộng là 11.250.000 đồng. Tại Bản kết luận số: 878 ngày 27 tháng 4 năm 2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh S** kết luận: số tiền gửi giám định 11.250.000 đồng là tiền thật.

Ngày 08/5/2023 Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của 18 nhân viên y tế bản **xã T** tại các bảng thanh toán tiền công tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19. Tại Kết luận giám định số: 1020 ngày 16/5/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh S**, kết luận: chữ ký, chữ viết tại các bảng thanh toán tiền công tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 không phải chữ ký, chữ viết của 18 nhân viên y tế bản, **xã T** ký, viết ra.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKSYC ngày 07 tháng 11 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu đã truy tố các bị cáo **Quàng Văn Đ** và **Trần Hải N** về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa công khai các bị cáo **Quàng Văn Đ** và **Trần Hải N** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, các bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát, lời khai của các bị cáo, nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ của Cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa các bị cáo xuất trình thêm giấy biên nhận về việc chi trả thêm cho 6 y tá bản với số tiền 17.348.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Quàng Văn Đ** mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Hải N** mức án từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn từ 01 năm đến 02 năm, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố

tụng hình sự đề nghị trả lại cho bị cáo **Quàng Văn Đ** số tiền 11.250.000 đồng; đề nghị hủy bỏ lệnh phong tỏa tài khoản số tiền 35.642.000 đồng của bị cáo **Quàng Văn Đ**. Đề nghị Hội đồng xét xử giao **Trung tâm y tế huyện Y** chi trả cho nhân viên y tá bản số tiền công tiêm chủng còn lại là 46.892.000 đồng mà bị cáo **Quàng Văn Đ** đã nộp lại cho Trung tâm y tế.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo **Quàng Văn Đ** và bị cáo **Trần Hải N** tự bào chữa: Các bị cáo đều nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi phạm tội.

Ý kiến của đại diện **Trung tâm y tế huyện Y**: Các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do các bị cáo gây ra, Trung tâm y tế huyện đã nhận được số tiền 46.892.000 đồng do bị cáo **Đ** nộp lại để thanh toán tiền công tiêm cho 18 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản nào khác. Đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Ý kiến của đại diện Trạm y tế xã Tú Nang nhất trí với bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát, Trạm y tế xã đã được Cơ quan điều tra trả lại tài sản 01 cây máy tính, nhãn hiệu DELL, màu đen đã qua sử dụng. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: **Lường Thị H4**, **Vì Thị Quỳnh H2**, **Lường Thị T4**, **Lữ Thị X**, **Lữ Thị T3**, **Vì Thị V4** đều xác nhận trong hai năm 2021 và năm 2022 có tham gia tiêm chủng vắc xin phòng covid-19 cùng với **Trạm y tế xã T** nhưng không nhớ tham gia bao nhiêu đợt bao nhiêu ngày. Hiện mỗi người đã được thanh toán số tiền 450.000 đồng. Đề nghị xem xét số ngày công, mũi tiêm của từng người và chi trả đúng chế độ.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: **Thào A P1**, **Thào A T6**, **Hoàng Văn L**, **Mùa A S1**, **Hà Văn T5**, **Vì Văn H5** đều xác nhận trong hai năm 2021 và năm 2022 có tham gia tiêm chủng vắc xin phòng covid-19 cùng với **Trạm y tế xã T** nhưng không nhớ tham gia bao nhiêu đợt bao nhiêu ngày. **Thào A P1** đã được thanh toán số tiền là 2.250.000 đồng, **Vì Văn H5** số tiền là 3.747.000 đồng, **Hoàng Văn L** số tiền 3.554.000 đồng, **Thào A T6** số tiền 2.700.000 đồng, **Hà Văn T5** số tiền 4.050.000 đồng, **Mùa A S1** số tiền 2.397.000 đồng. Các anh nhất trí với số ngày công và số tiền mà Trạm y tế **xã T** đã thanh toán không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: **Hoàng Thị H6**, **Doãn Thị P**, **Hoàng Thị K**, **Hoàng Văn V1**, **Vì Thị H3**, **Lữ Thị D** đều xác nhận trong hai năm 2021 và năm 2022 có tham gia tiêm chủng vắc xin phòng covid-19 cùng với **Trạm y tế xã T** nhưng không nhớ tham gia bao nhiêu đợt bao nhiêu ngày. Đến nay chưa được thanh toán tiền, đề nghị Trạm y tế xã Tú Nang xác định đúng số ngày công và chi trả tiền công tiêm được hưởng theo đúng chế

độ của Nhà nước, tránh trường hợp người tham gia ngày công tiêm nhiều được hưởng ít, người tham gia ít hoặc không tham gia lại được hưởng chế độ.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Lò Thị T9, Vì Thị Y, Hà Văn C1, Lò Thị V2, Lê Tiến Đ1, Hoàng Văn V3, Lương Văn N1, Nguyễn Thị H7, Vì Thị Q, Vì Thị L1 đều xác nhận trong hai năm 2021 và năm 2022 có được Ủy ban nhân dân xã cử tham gia hỗ trợ tiêm chủng vắc xin phòng covid-19 cùng với Trạm y tế xã T nhưng không nhớ tham gia bao nhiêu đợt bao nhiêu ngày và đã được Trạm y tế xã Tú Nang thanh toán cho 10 người trên số tiền là 4.350.000 đồng, số tiền này đã nộp lại cho Cơ quan điều tra. Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này đều xác định không thuộc đối tượng được chi trả tiền bồi dưỡng công tiêm phòng covid-19 nên việc nộp lại số tiền là đúng và không có ý kiến thắc mắc gì trong vụ án này.

Bị cáo Quàng Văn Đ và Trần Hải N nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật các bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa vắng mặt anh Vì Văn H5, anh Thảo A T6, anh Hoàng Văn V1, anh Hoàng Văn L, bà Nguyễn Thị H7 là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Quàng Văn Đ, Trần Hải N có đủ cơ sở để khẳng định: Từ ngày 28/11/2022 đến ngày 17/01/2023 Trạm y tế Xã T được Trung tâm y tế huyện Y thanh toán cho số tiền 50.982.000 đồng để thanh toán tiền chế độ bồi dưỡng công tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 cho 18 y tá bản của xã T tiêm năm 2021 và năm 2022. Nhận được tiền bị cáo Quàng Văn Đ với chức vụ là trưởng trạm y tế xã T, huyện Y đã chỉ đạo bị cáo đã chỉ đạo Trần Hải N là cán bộ trạm y tế xã T, huyện Y ký giả chữ ký nhận tiền chế độ trong bảng thanh toán tiền công tiêm vắc xin phòng C2- 19 của 18 nhân viên y tế bản của xã T, huyện Y để họ không biết số tiền thực tế được hưởng, nhằm chia cho những người phục vụ tiêm chủng C2- 19 khác, nhưng không thuộc diện được hưởng chế

độ Nhà nước và chỉ đạo bị cáo **Trần Hải N** lập danh sách chi trả tiền bồi dưỡng. **Trần Hải N** đã tổng hợp lập lên danh sách tạm thời có 34 người tham gia phục vụ tiêm chủng vắc xin phòng Covid- 19, trong số này có 18 y tá thuộc diện được hưởng chế độ bồi dưỡng, còn 16 người không thuộc đối tượng được hưởng chế độ theo quy định, mỗi người được chi là 450.000 đồng. Thực tế bị cáo **Trần Hải N** mới chỉ được 4.050.000 đồng cho 09/18 y tế bản (có tên được hưởng chế độ của Nhà nước), chi trả cho 10 người không đúng chế độ cho Nhà nước (Trong đó 07 cán bộ **Ủy ban nhân dân xã T** và 03 nhân viên y tế bản không trong diện được hưởng chế độ của Nhà nước) với tổng số tiền 4.350.000 đồng, số tiền này cơ quan điều tra đã thu hồi. Số tiền còn lại **Trần Hải N** chưa chi 6.900.000 đồng đã nộp cho cơ quan điều tra, **Quàng Văn Đ** đang quản lý trong tài khoản của bị cáo là 35.642.000 đồng (đã bị phong tỏa). Đến ngày 18/4/2023 vụ việc bị phát hiện. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận các bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn làm trái công vụ, chi không đúng, không đầy đủ, không đúng đối tượng được hưởng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của tổ chức và cá nhân các y tá. Động cơ mục đích vì động cơ cá nhân, nhằm nâng cao uy tín của bản thân. Bản thân các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi, song cố ý phạm tội. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận hành vi trên của các bị cáo **Quàng Văn Đ**, **Trần Hải N** đã phạm vào tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Việc xét xử các bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo vì động cơ cá nhân đã lợi dụng chức vụ quyền hạn làm trái công vụ chi sai chế độ chính sách gây thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp của tổ chức cá nhân với số tiền các bị cáo chậm chi, chi không đầy đủ và chi không đúng đối tượng là 46.892.000 đồng/50.942.000 đồng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của 18 nhân viên y tế bản tạo dư luận xấu trên địa bàn, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi phạm tội trên của các bị cáo, thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng được quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[4] Xét về vai trò phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Giữa hai bị cáo không có sự bàn bạc, thỏa thuận hoặc phân chia lợi ích vật chất, phi vật chất mà chỉ thể hiện quan hệ cấp trên, cấp dưới, quan hệ lệ thuộc. Trong đó bị cáo **Đ** là người, chỉ đạo bị cáo **N** ký giả chữ ký nhận tiền chế độ trong bảng thanh toán tiền công tiêm vắc xin phòng **C2- 19**, chi trả không đúng đối tượng, chi trả không đầy đủ cho 18 nhân viên y tế bản và chậm chi, gây thiệt hại về tài sản của 18 nhân viên y tế bản xã Tú Nang với tổng số tiền là 46.892.000 đồng nên bị cáo **Quàng Văn Đ** là người có vai trò chính trong việc thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo **Trần Hải N** là cán bộ Trạm y tế xã Tú Nang, được bị cáo **Đ** phân

công lập hồ sơ quyết toán, thanh toán tiền chế độ bồi dưỡng công tiêm chủng vắc xin phòng Covid- 19, nhận thức được việc bị cáo **Đ** chỉ đạo ký giả chữ ký nhận tiền chế độ tại bảng thanh toán tiền công tiêm vắc xin phòng **C2- 19** trong hồ sơ quyết toán để chi trả không đầy đủ tiền chế độ cho nhân viên y tế bản là trái quy định của Nhà nước nhưng vẫn đồng ý và thực hiện. Hành vi của bị cáo **N** đồng phạm với bị cáo **Đ** với vai trò giúp sức nhưng ở vị trí lệ thuộc cấp trên, do vậy cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về nhân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo **Quảng Văn Đ**, **Trần Hải N** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa các bị cáo **Quảng Văn Đ**, **Trần Hải N** thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, cùng nhau bồi thường, khắc phục thiệt hại gây ra cho Trung tâm Y tế huyện và các y tá được hưởng chế độ bồi dưỡng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo **Trần Hải N** có bố đẻ là ông **Trần Văn T** được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất. Bị cáo **Quảng Văn Đ** có ông nội là ông **Quảng Văn Đ2** được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, có bà nội là bà **Hoàng Thị Đ3** được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ sự phân tích trên, xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu, các bị cáo đã ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả, nên xét chưa cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội, mà cần áp dụng Điều 36; Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo, giáo dục tại địa phương, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú của các bị cáo giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện giúp các bị cáo tự cải tạo trở thành người lương thiện có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và tại Điều 36 Bộ luật Hình sự còn bị khấu trừ thu nhập. Tuy nhiên qua xét hỏi công khai tại phiên tòa xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang công tác ở vùng III là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền, cũng như khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo, song cần cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong một thời hạn nhất định bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo **Quàng Văn Đ**, **Trần Hải N** đã chi trước cho 9/18 y tá số tiền 4.050.000 đồng và sau đó đã tự nguyện lấy tiền gia đình chi tiếp cho 6 y tá với số tiền 17.348.000 đồng, bị cáo **Đ** đã tự nguyện nộp số tiền 46.892.000 đồng cho Trung tâm y tế để khắc phục hậu quả, **Trung tâm y tế huyện Y** có trách nhiệm chi trả số tiền trên cho các y tá chưa được nhận hoặc nhận chưa đủ số tiền theo danh sách đã được phê duyệt ngoài ra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản nào khác. Số tiền chênh lệch sau khi trừ đi số tiền 50.982.000 đồng, Trung tâm y tế huyện có trách nhiệm trả lại cho bị cáo **Quàng Văn Đ**.

[8] Về vật chứng: Đối với số tiền 11.250.000 đồng (bị cáo **N** cùng 07 cán bộ **Ủy ban nhân dân xã T** và 03 nhân viên y tế bản xã Tú Nang không thuộc diện được hưởng chế độ bồi dưỡng đã giao nộp), xét thấy đây là số tiền do bị cáo **N** tự nguyện nộp lại và chi trả sai đối tượng đã thu hồi được, tuy nhiên bị cáo **Quàng Văn Đ** đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả cho các y tá và **Trung tâm Y tế huyện Y**, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo **Quàng Văn Đ**.

Đối với cây máy tính nhãn hiệu DELL, màu đen đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông **Hà Văn H1**, đại diện Trạm y tế xã Tú Nang, Trạm y tế xã **T** không có yêu cầu đề nghị gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về vấn đề khác: Đối với số tiền 35.642.000 đồng trong tài khoản của bị cáo **Quàng Văn Đ** tại **Ngân hàng TMCP Đ5 (B)** bị Cơ quan điều tra **Công an huyện Y**, tỉnh Sơn La ra lệnh phong tỏa tài khoản, xét thấy bị cáo **Đ** đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho **Trung tâm y tế huyện Y** nên cần hủy bỏ lệnh phong tỏa tài khoản số tiền trên cho bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn giảm án phí, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Quàng Văn Đ**, phạm tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Xử phạt bị cáo **Quàng Văn Đ** 24 tháng (Hai mươi tư tháng) tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 04/01/2024.

Giao bị cáo **Quàng Văn Đ** cho **Ủy ban nhân dân xã V**, **huyện Y**, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp **Ủy ban nhân dân xã V**, **huyện Y**, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo

dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Trần Hải N**, phạm tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Xử phạt bị cáo **Trần Hải N** 18 tháng (Mười tám tháng) cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo **Trần Hải N** cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án đối với **Trần Hải N** về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

3. Hình phạt bổ sung căn cứ vào khoản 4 Điều 356; Điều 41 Bộ luật Hình sự. Cấm các bị cáo **Quảng Văn Đ**, bị cáo **Trần Hải N** đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 năm tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Không phạt tiền, miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận việc các bị cáo **Quảng Văn Đ**, bị cáo **Trần Hải N** đã tự nguyện khắc phục hậu quả và đã chi trả cho các y tá bản số tiền là 21.398.000 đồng (gồm có: **Thào A P1** số tiền là 2.250.000 đồng, **Vì Văn H5** số tiền là 3.747.000 đồng, **Hoàng Văn L** số tiền 3.554.000 đồng, **Thào A T6** số tiền 2.700.000 đồng, **Hà Văn T5** số tiền 4.050.000 đồng, **Mùa A S1** số tiền 2.397.000 đồng, **Lường Thị H4** 450.000 đồng, **Vì Thị Quỳnh H2** 450.000 đồng, **Lường Thị T4** 450.000, **Lữ Thị X** 450.000 đồng, **Lữ Thị T3** 450.000 đồng, **Vì Thị Vượng** 450.000 đồng) và nộp cho Trung tâm y tế huyện Y tổng số tiền 46.892.000 đồng để Trung tâm y tế huyện Y chi trả cho các y tá Bản chưa được nhận hoặc nhận chưa đủ số tiền được hưởng theo danh sách đã được Trung tâm y tế phê duyệt chi ngân sách trong tổng số tiền 50.982.000 đồng gồm có: **Lường Thị H4** 4.200.000 đồng, **Hoàng Thị H6** 3.450.000 đồng, **Doãn Thị P** 3.900.000 đồng, **Hoàng Thị K** 2.400.000 đồng, **Vì Thị Quỳnh H2** 2.100.000 đồng, **Lường Thị T4** 1.650.000 đồng, **Lữ Thị X** 1.800.000 đồng, **Lữ Thị T3** 1.350.000 đồng, **Hoàng Văn V1** 1.650.000 đồng, **Vì Thị Huệ** 750.000 đồng, **Lữ Thị D** 2.547.000 đồng, **Vì Thị V** 3.597.000 đồng, **Thào A P1** 150.000 đồng. Số tiền chênh lệch còn lại 17.348.000 đồng, Trung tâm y tế trả lại cho bị cáo **Quảng Văn Đ**.

5. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo **Quàng Văn Đ** số vật chứng gồm: 01 phong bì niêm phong, bên trong có 3.000.000 đồng; 01 phong bì niêm phong, bên trong có 6.900.000 đồng; 01 có phong bì niêm phong, bên trong có 1.350.000 đồng. Tổng cộng là 11.250.000 đồng

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án huyện Yên Châu).

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo **Quàng Văn Đ** và **Trần Hải N** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)

Báo cho các bị cáo, Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Vì Văn H5**, anh **Thào A T6**, anh **Hoàng Văn V1**, anh **Hoàng Văn L**, bà **Nguyễn Thị H7** vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Công an huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- UBND xã Viêng Lán, Chiềng Păn;
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Thái Văn Tùng